

UBND TỈNH KIÊN GIANG  
SỞ NÔNG NGHIỆP & PTNT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 890/SNNPTNT-KHTC  
V/v rà soát, báo cáo các khoản  
tạm ứng từ nguồn ngân sách  
tỉnh.

Kiên Giang, ngày 10 tháng 6 năm 2022

Kính gửi:

- BQL Dự án ĐTXD các công trình nông nghiệp và PTNT;
- Trung tâm Nước sạch và VSMTNT;
- Ban Quản lý rừng Kiên Giang;
- Chi cục Phát triển nông thôn;
- Chi cục Chăn nuôi và Thú y;
- Trung tâm Giống nông lâm ngư nghiệp KG.

Căn cứ kết quả tổng hợp tạm ứng từ nguồn ngân sách tỉnh của Sở Tài chính. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị các đơn vị rà soát các khoản tạm ứng của đơn vị (theo bảng tổng hợp đính kèm).

Đồng thời nêu rõ nguyên nhân chưa nộp trả và thời gian thu hồi nộp vào ngân sách theo quy định.

Báo cáo bằng văn bản gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (qua phòng Kế hoạch – Tài chính) trước ngày 14/6/2022, Địa chỉ: Số 09 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường An Hòa, TP Rạch Giá tỉnh Kiên Giang.

Đề nghị đơn vị quan tâm chỉ đạo thực hiện và gửi báo cáo theo đúng thời gian nêu trên. *Neauh*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website Sở;
- Lưu: VT, vyngoc.



*Lê Hữu Toàn*

**BẢNG TỔNG HỢP TẠM ỨNG TỪ NGUỒN NGÂN SÁCH TỈNH**

STT	Nội dung	Mã QHNS	NĂM 2021			NĂM 2022			
			Phát sinh tăng (+)	Phát sinh giảm (-)	Số dư nợ đến ngày 31/12/2021	Dư nợ đầu năm 2022 (01/01/2022)	Phát sinh tăng (+)	Phát sinh giảm (-)	Số dư nợ đến ngày 01/6/2022
1	2		5	6	7				
	<b>Sở Nông nghiệp &amp; PTNT</b>		<b>59,627,000,000</b>	<b>-25,365,917,428</b>	<b>47,850,679,978</b>	<b>47,850,679,978</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>47,850,679,978</b>
<b>1</b>	<b>BQL Dự án ĐTXD các công trình NN và PTNT</b>		<b>59,627,000,000</b>	<b>-25,041,017,068</b>	<b>34,585,982,932</b>	<b>34,585,982,932</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>34,585,982,932</b>
-	Tạm ứng KP đối với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kiên Giang		27,000,000,000		27,000,000,000	27,000,000,000			27,000,000,000
-	Bồi thường, giải tỏa, hỗ trợ và tái định cư dự án xây dựng 18 công trên tuyến đê biển tỉnh Kiên Giang		32,627,000,000	-25,041,017,068	7,585,982,932	7,585,982,932			7,585,982,932
<b>2</b>	<b>Trung tâm nước sạch vệ sinh môi trường</b>		<b>0</b>	<b>0</b>	<b>2,000,000,000</b>	<b>2,000,000,000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>2,000,000,000</b>
	+ Tạm ứng KP cho BQL các DA ĐTXDCN và VSNT tỉnh KG theo CV số 4430/VP-KTTH 13/12/2011(Cty nước & VSMT).	1001946			2,000,000,000	2,000,000,000			2,000,000,000
	<b>Cty CT nước &amp; VSMT (Nay là Trung tâm nước sạch VSMT)</b>	<b>1001946</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>350,000,000</b>	<b>350,000,000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>350,000,000</b>
	+ XD các trạm cấp nước, ứng vốn DA Ô môn - Xà no				350,000,000	350,000,000			350,000,000
<b>3</b>	<b>Trung tâm Giống Nông Lâm ngư nghiệp tỉnh KG</b>	<b>1039709</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>144,931,000</b>	<b>144,931,000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>144,931,000</b>
	+ Tạm ứng mua lúa giống DP cho vụ Đông Xuân,				144,931,000	144,931,000			144,931,000
<b>4</b>	<b>BQL Rừng PH AB - AM</b>	<b>1005930</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>9,452,228,620</b>	<b>9,452,228,620</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>9,452,228,620</b>
	+ Tạm ứng KP chi trả các hộ nhận khoán rừng, bồi hoàn đất				9,452,228,620	9,452,228,620			9,452,228,620
<b>5</b>	<b>Chi cục Phát triển Nông thôn</b>	<b>1039588</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>928,437,786</b>	<b>928,437,786</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>928,437,786</b>
	+ Triển khai CT tiếp nhận diện tích đất do Bộ Quốc phòng giao lại				928,437,786	928,437,786			928,437,786
<b>6</b>	<b>Chi cục chăn nuôi và thú y Kiên Giang</b>	<b>1017845</b>	<b>0</b>	<b>-324,900,360</b>	<b>389,099,640</b>	<b>389,099,640</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>389,099,640</b>
+	Tạm ứng KP thực hiện hỗ trợ công tác phòng chống dịch tả lợn Châu Phi (QĐ số 2798/QĐ-UBND ngày 10/12/2019)			-324,900,360	389,099,640	389,099,640			389,099,640